

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026



## BÁO CÁO

### Thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Làng trẻ em SOS Việt Nam

Làng trẻ em (LTE) SOS Việt Nam triển khai thực hiện các chương trình/dự án tại 17 LTE SOS cơ sở (LTE SOS cơ sở), 16 Lưu xá thanh niên, 14 trường Mẫu giáo SOS, 10 trường Hermann Gmeiner, Trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì, 01 chương trình Tăng cường gia đình tại cộng đồng và Văn phòng LTE SOS Việt Nam.

### Phần I

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ CƠ SỞ

#### 1. LTE SOS và Lưu xá thanh niên

Các LTE SOS cơ sở hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 1795 cháu (giảm 400 cháu so với năm 2024), trong đó số trẻ em, thanh thiếu niên đang sống tại làng và lưu xá thanh niên là 1290 cháu; bán tự lập và học chuyên nghiệp là 505 cháu. Trong năm 2025, đón mới 25 cháu (theo quy định Nghị định 20/2021/NĐ-CP) và có 369 cháu tái đoàn tụ về với gia đình gốc khi đảm bảo điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Hiện có 145 nhà gia đình đang hoạt động (giảm 30 nhà so với 2024), trung bình 7,3 cháu/nhà gia đình (Phụ lục 1).

Đến hết năm 2025, đã có 5.253 cháu rời chương trình tự lập và tái đoàn tụ với gia đình gốc.

#### 1.1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em

Trẻ em, thanh thiếu niên tại 17 LTE SOS cơ sở được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, kỹ năng sống hoà nhập xã hội hướng đến tự chủ rời chương trình chăm sóc hoặc tái đoàn tụ với gia đình gốc.

Về chăm sóc y tế và vệ sinh môi trường: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ và được cấp thẻ Bảo hiểm y tế. Các LTE SOS thường xuyên phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế khám chữa bệnh, khám chuyên sâu về mắt, răng, tai mũi họng. Trẻ được tiêm phòng cúm, uống Vitamin A và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng. Nhiều LTE SOS chú trọng khám sàng lọc sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý cho trẻ, đặc biệt với những trẻ gặp các vấn đề về hành vi, hoặc trước khi chuyển nhà gia đình và lưu xá thanh niên. Môi trường sống tại các gia đình và lưu xá luôn được đảm bảo xanh, sạch, đẹp thông qua các hoạt động dọn dẹp vệ sinh hàng tuần tại nhà gia đình, lưu xá thanh niên, toàn Làng.

Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng được chú ý để trẻ có điều kiện phát triển về thể lực: các bữa ăn đảm bảo đủ 4 nhóm chất; thực đơn được thay đổi hàng ngày theo mùa và phù hợp với các lứa tuổi. Các LTE SOS thực hiện kiểm soát chặt nguồn thực phẩm, đảm bảo không để xảy ra ngộ độc. Với trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng được lập biểu đồ tăng trưởng, bổ sung thực phẩm dinh dưỡng, vitamin hàng tháng.

100% cán bộ, nhân viên, bà mẹ, bà dì cam kết thực hiện chính sách bảo vệ trẻ em của tổ chức SOS, không để xảy ra bạo hành hay xâm hại. Áp dụng các phương pháp giáo dục không bạo lực, kỷ luật tích cực dựa trên sự yêu thương và tôn trọng để giúp trẻ hình thành nhân cách tốt và ý thức kỷ luật tự giác. Trẻ được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ về quyền trẻ em để trình bày ý kiến và đóng góp cho các hoạt động chung của Làng.

### **1.2. Kết quả học tập, rèn luyện của trẻ em, thanh thiếu niên SOS**

- Tỷ lệ học sinh (HS) tiểu học xếp loại từ đạt trở lên đối với các mặt năng lực, phẩm chất chiếm 95% (năm học 2023-2024 là 99,5%); HS THCS xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 52,4% (năm học 2023-2024 là 49,7%) và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 100% (năm học 2023-2024 là 90,9%); HS THPT xếp loại học lực Khá/giỏi chiếm 74,5% (năm học 2023-2024 là 71%) và xếp loại hạnh kiểm Khá/tốt chiếm 100% (năm học 2023-2024 là 96,6%); tỉ lệ đỗ tốt nghiệp Trung học phổ thông với 167/169 thanh niên thi đỗ, chiếm 98,82% so với năm học 2023-2024 là 99,4% (Phụ lục 2a).

- Có 21 lượt HS giỏi cấp tỉnh/thành phố (như Làng Vinh có 07 cháu; Đà Lạt có 08 cháu; Đà Nẵng có 04 cháu; Việt Trì có 01 cháu; Thanh Hóa có 01 cháu) và nhiều HS giỏi cấp quận/huyện, nhiều giải thi đấu thể dục thể thao và các môn năng khiếu.

- Năm học 2024-2025 có 68/167 thanh niên SOS đỗ đại học (chiếm 42%). Làng Cà Mau, Đà Nẵng, Gò Vấp, Pleiku và Việt Trì đạt tỉ lệ đỗ đại học từ 50% trở lên.

### **1.3. Trang bị kiến thức, kỹ năng và hướng nghiệp cho thanh niên**

Trẻ em được trang bị nhóm kỹ năng an toàn: Quyền trẻ em và Chính sách Bảo vệ trẻ em (BVTE); Phòng chống xâm hại và bạo lực; An toàn và phòng tránh tai nạn thương tích; Phòng chống tệ nạn xã hội, ...

Nhóm kỹ năng phát triển và phát triển cá nhân: Kỹ năng giao tiếp và xã hội; Quản lý bản thân; Tâm sinh lý và giới tính; Kỷ luật tích cực.

Chương trình giáo dục hướng tới sự phát triển tri thức và khả năng tự thiết lập cuộc sống của trẻ, thanh thiếu niên. Các cháu luôn nhận được hỗ trợ từ đội ngũ nhân viên và tình nguyện viên trong học các môn văn hóa, ngoại ngữ, tin học. Trẻ được đào tạo các kỹ năng mềm như: giao tiếp, thuyết trình, quản lý thời gian, quản lý tài chính cá nhân, kỹ năng tự bảo vệ và phòng chống xâm hại.

Công tác hướng nghiệp được thực hiện thông qua các buổi nói chuyện, tham quan thực tế tại doanh nghiệp để trẻ/thanh niên lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực của bản thân.

Nhóm kỹ năng nghề nghiệp và hội nhập: Đào tạo và cấp chứng chỉ học thuật quốc tế ICDL; Cơ cấu ngành nghề và xu hướng việc làm; kỹ năng viết CV; kỹ năng lựa chọn ngành nghề dựa trên khả năng và thị trường lao động; Trải nghiệm thực tế

tại các doanh nghiệp, công ty, tổ chức như CP Việt Nam, Toyota, DHL, các công ty may....

Tổ chức các câu lạc bộ: Văn hóa - Nghệ thuật (đàn Guitar, vẽ tranh, múa hát, dân vũ, nữ công gia chánh, nấu ăn, pha chế đồ uống); Thể dục thể thao: võ thuật (Karatedo, Taekwondo, Vovinam), bóng đá, cầu lông, bóng bàn, Yoga,...

Các hoạt động được tổ chức thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày và kỳ nghỉ hè nhằm giúp trẻ em SOS phát triển toàn diện, tự tin và sẵn sàng cho cuộc sống tự lập trong tương lai. Như Làng Đà Lạt đã tổ chức 39 hoạt động, trong đó: 2 hoạt động kỹ năng sống/mềm; 15 hoạt động CLB trẻ em; 4 hoạt động hướng nghiệp và việc làm. Làng Gò Vấp tổ chức 52 chương trình/hoạt động về giáo dục kỹ năng sống và hướng nghiệp; 45 chương trình hỗ trợ rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hòa nhập cộng đồng. Làng Quy Nhơn tổ chức cho 35 thanh niên tham dự Hội thảo hướng nghiệp; tổ chức các lớp tin học cho toàn bộ trẻ em cấp 1 và cấp 2. Làng Thanh Hóa tổ chức cho 35 trẻ (từ lớp 8 đến lớp 12) tham gia đối thoại hướng nghiệp và tham quan thực tế tại doanh nghiệp. Làng Nha Trang tổ chức cho 14 trẻ (từ 16 đến 18 tuổi) tham gia hoạt động trải nghiệm và định hướng nghề nghiệp. Làng Đà Nẵng tổ chức cho toàn bộ trẻ em khối cấp 2 và cấp 3 được tập huấn trang bị kỹ năng mềm và hoạt động hướng nghiệp, ...

Hiện có 444 thanh niên SOS đang học đại học, cao đẳng và học nghề. Các LTE SOS thường xuyên nắm bắt nhu cầu và hỗ trợ kịp thời các cháu, rèn luyện tính độc lập và tự chủ bản thân cho các cháu.

## **2. Chương trình Tăng cường gia đình (Hỗ trợ tại cộng đồng)**

Chương trình được triển khai từ 2005, hỗ trợ cho các gia đình yếu thế tại cộng đồng gồm: hỗ trợ tài chính, vật chất và điều kiện sống; nâng cao năng lực cho người chăm sóc trẻ em và cộng đồng; phát triển sinh kế gia đình với mục đích góp phần nâng cao năng lực của người chăm sóc trẻ em; phát triển kinh tế, cải thiện mức sống gia đình, từ đó ngăn ngừa và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không được tới trường và giúp trẻ em thực hiện các quyền của mình. Chương trình được triển khai tại 7 tỉnh/thành phố (Bến Tre, Cà Mau, Đà Nẵng/Quảng Nam, Lâm Đồng, Nghệ An và Thái Bình). Năm 2025, Chương trình Tăng cường gia đình chỉ còn được thực hiện tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) với sự hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh tổng số tiền 537.660.000 đồng đối với 141 cháu (135 cháu học phổ thông và 6 cháu học đại học), mức hỗ trợ 300.000 đồng/tháng/cháu học phổ thông và mức 1.100.000 đồng/cháu/tháng học đại học. Ngoài ra, dự án Cải thiện điều kiện sống cho trẻ em và gia đình yếu thế tại cộng đồng tỉnh Thái Bình do SOS Đan Mạch tài trợ năm 2025 với tổng kinh phí 920.736.119 đồng. Dự án đã hỗ trợ 60 bồn chứa nước, 60 bình lọc nước sạch cho tổng số 60 hộ gia đình; Hỗ trợ 04 trường tiểu học, trung học cơ sở cải tạo các công trình nước sạch, vệ sinh giúp cho hơn 2000 học sinh được hưởng lợi; Hỗ trợ 08 máy lọc nước cho Nhà văn hóa các thôn và Hệ thống nước sạch cho 02 trường mầm non; 180 người chăm sóc trẻ được tập huấn kỹ năng giữ gìn vệ sinh cá nhân, chăm sóc con cái và hơn 3500 người dân trong cộng đồng được hưởng lợi từ các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

## **3. Trường Mẫu giáo/mầm non SOS**

14 trường Mẫu giáo SOS đang dạy và chăm sóc 1.576 HS (trong đó có 91 cháu là con SOS, chiếm 5,7%), giảm 347 HS so với năm học 2024. Tính đến nay, có 49.828 lượt HS đã và đang theo học tại các trường Mẫu giáo SOS. Trong những năm học gần đây, quy mô HS có xu hướng giảm liên tục, đặc biệt sau dịch bệnh Covid-19.

Các trường MG đã chủ động đổi mới phương pháp giáo dục và nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ, chú trọng việc tự làm đồ dùng dạy học, thiết kế bài giảng bằng các phần mềm máy tính, góp phần làm cho giờ học trở nên sinh động, trực quan, hấp dẫn, tạo hứng thú cho trẻ trong quá trình học tập và vui chơi.

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em được bảo đảm. Các trường thực hiện nghiêm túc việc giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh dụng cụ ăn uống, đồ dùng và đồ chơi của trẻ; chủ động phòng, chống và khống chế kịp thời các dịch bệnh như sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm A, cúm B,... Thực đơn hàng ngày được xây dựng khoa học, đảm bảo cân bằng dinh dưỡng theo độ tuổi. 100% các trường thực hiện chế biến thực phẩm theo quy trình bếp một chiều và lưu mẫu thức ăn theo quy định.

Về cơ sở vật chất, các trường cơ bản đáp ứng đủ điều kiện về phòng học, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, trong bối cảnh hệ thống các trường mầm non tư thục và công lập lân cận ngày càng phát triển, được đầu tư mới với cơ sở vật chất hiện đại, đây đang trở thành thách thức lớn đối với các trường Mẫu giáo SOS, nhiều trường đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ 20–30 năm, cơ sở vật chất đã xuống cấp.

#### **4. Trường Phổ thông Hermann Gmeiner**

10 trường Phổ thông Hermann Gmeiner có tổng số 12.584 HS, giảm 277 HS so với năm học 2023-2024. Trong đó, 634 HS là con các LTE SOS, chiếm khoảng 5% tổng số HS. Tính đến nay, đã có khoảng 244.356 lượt HS theo học tại các trường phổ thông liên cấp Hermann Gmeiner.

Các trường đã xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch năm học, bảo đảm thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tổ chức dạy học đúng, đủ nội dung chương trình theo quy định. Việc đổi mới nội dung, chương trình và sách giáo khoa được thực hiện ở tất cả các khối lớp theo chương trình Giáo dục phổ thông mới. Đồng thời, các trường mở rộng và tăng cường nội dung giảng dạy các môn ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học, giáo dục kỹ năng sống, phát triển các câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra chuyên môn của đội ngũ giáo viên được duy trì thường xuyên; các trường chú trọng bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu, tổ chức thi giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi và khuyến khích giáo viên, HS tham gia các kỳ thi, cuộc thi chuyên môn các cấp, đạt được nhiều kết quả tích cực.

Về hỗ trợ học bổng, 09/10 trường Hermann Gmeiner tiếp tục triển khai học bổng Hermann Gmeiner dành cho HS là con em hộ nghèo, cận nghèo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn (trừ Trường Hermann Gmeiner Đà Lạt). Trong năm học 2025–2026, các trường đã cấp 479 suất học bổng với tổng kinh phí 724 triệu đồng, chiếm 4,48% tổng số HS. Lũy kế đến nay, hệ thống các trường Hermann Gmeiner

đã cấp 14.891 suất học bổng, với tổng số tiền 33.634.850.000 đồng. Ngoài ra, hằng năm các trường còn triển khai học bổng Odon Vallet và nhiều nguồn học bổng xã hội hóa khác, góp phần hỗ trợ HS vượt khó, vươn lên trong học tập.

Kết quả giáo dục đạt kết quả toàn hệ thống có 1.963 HS lớp 12, trong đó 1.657 HS đỗ tốt nghiệp THPT, đạt tỉ lệ 99,7%; 1.458 HS trúng tuyển đại học, chiếm 74,53% so với số HS đỗ tốt nghiệp.

Kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm:

- Cấp Tiểu học: Tỉ lệ HS được xếp loại Đạt về năng lực, phẩm chất và kỹ năng đạt trên 95,2%.

- Cấp Trung học cơ sở: Tỉ lệ HS xếp loại học lực Khá, Giỏi đạt 88,5%; xếp loại hạnh kiểm Khá, Tốt đạt 97,5%.

- Cấp Trung học phổ thông: Tỉ lệ HS xếp loại học lực Khá, Giỏi đạt 91,4%; xếp loại hạnh kiểm Khá, Tốt đạt 98,4% (Phụ lục 2b).

Có 139 lượt HS giỏi cấp tỉnh/thành phố, tập trung nhiều tại các trường Bến Tre, Đà Lạt, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng và Vinh.

Có trên 50 lượt HS đạt giải cấp tỉnh trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao, nổi bật tại các trường Bến Tre, Hà Nội và Việt Trì.

Có 62 lượt cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, trong đó: Trường Đà Nẵng (28 lượt), Hải Phòng (8 lượt), Đà Lạt (14 lượt), Vinh (16 lượt) và Việt Trì (6 lượt).

### **5. Trường trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì**

Hiện nay, quy mô HS của nhà trường là 322 HS, giảm 116 HS so với cùng kỳ năm trước, với 16 lớp học, giảm 02 lớp so với cùng kỳ năm trước.

Nhà trường tổ chức dạy học đúng và đủ nội dung chương trình theo quy định, duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo án, hồ sơ sổ sách của giáo viên, cũng như chất lượng học tập và rèn luyện (hạnh kiểm) của HS.

Trong năm học, nhà trường đã tổ chức kỳ thi tốt nghiệp cho 171 HS trình độ trung cấp bảo đảm đúng quy chế, đúng thời gian; đồng thời thực hiện giới thiệu việc làm cho HS sau tốt nghiệp.

Nhà trường đã triển khai ký kết hợp đồng liên kết đào tạo với doanh nghiệp để mở 02 mã nghề cơ khí, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo gắn với thực tiễn và giới thiệu việc làm cho HS sau khi tốt nghiệp.

Kết quả đánh giá, xếp loại HS như sau:

- 86% HS được xếp loại từ trung bình trở lên về chất lượng học tập;

- 98,4% HS được xếp loại từ khá trở lên về hạnh kiểm, không có HS xếp loại yếu;

- Tỉ lệ đỗ tốt nghiệp cuối khóa đạt 98,8%, trong đó 9,4% xếp loại Giỏi và 53,2% xếp loại Khá.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA VĂN PHÒNG

### 1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn và điều hành

Từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, khi được Bộ Y tế tiếp nhận quản lý từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn phòng LTE SOS Việt Nam được giao phối hợp với các đơn vị trong Bộ Y tế (Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Pháp chế, Cục Bảo trợ xã hội, Cục Bà mẹ - Trẻ em, ...) báo cáo đánh giá về tình hình thực trạng của hệ thống LTE SOS Việt Nam, trên cơ sở đề nghị của tổ chức Làng trẻ em SOS quốc tế về việc bàn giao nguyên trạng 8/17 Làng trẻ em SOS cơ sở và các cơ sở giáo dục về UBND tỉnh/thành phố quản lý toàn diện trước ngày 31/12/2025 và thành lập tổ chức hỗ trợ kỹ thuật mới – tổ chức phi chính phủ; xây dựng Đề án trình Bộ Y tế xem xét, trình báo cáo Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, sắp xếp lại hệ thống LTE SOS Việt Nam trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành (Bộ Nội vụ, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo) và UBND 16 tỉnh/thành phố.

Bộ Y tế đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ Tờ trình, Đề án, dự thảo Nghị Quyết và báo cáo đánh giá thực trạng; căn cứ quy định của pháp luật Việt Nam về Luật Điều ước quốc tế 2016 (Hiệp định ký năm 1987 giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và LTE SOS quốc tế), Bộ Y tế cần trình và báo cáo Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ Bản ghi nhớ thống nhất giữa Bộ và tổ chức Làng trẻ em SOS Quốc tế, về việc thống nhất bàn giao các đơn vị nêu trên về UBND tỉnh/TP quản lý toàn diện; hoàn thành trong quý 1/2026 và tiếp tục thảo luận thống nhất về việc sắp xếp lại 9 Làng trẻ em SOS cơ sở còn lại và Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam trước ngày 30/6/2026.

Đã tham mưu, trình lãnh đạo Bộ văn bản gửi UBND các tỉnh/thành phố về việc xem xét hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các LTE SOS cơ sở, trong bối cảnh LTE SOS Quốc tế cắt và giảm kinh phí tài trợ năm 2026 (vào tháng 9/2025).

Trong năm, Văn phòng LTE SOS Việt Nam tiếp nhận 951 văn bản đến và đã ban hành 337 văn bản và báo cáo; các văn bản hướng dẫn, quản lý và điều hành; văn bản hướng dẫn, trả lời các đơn vị cơ sở. Chất lượng văn bản được đảm bảo, đúng quy định của pháp luật và của LTE SOS.

### 2. Về tình hình tài chính

#### a) Kinh phí tiếp nhận hỗ trợ từ SOS Quốc tế

Năm 2025, LTE SOS Quốc tế tài trợ khoảng 2.277.888 USD - tương đương 59,85 tỷ đồng, chưa trừ phí là thành viên của hiệp hội LTE SOS 201.000 Euro; phí quản lý và bản quyền phần mềm công nghệ thông tin 100.000 Euro (Phụ lục 3).

#### b) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh/thành phố cho các LTE SOS

Các LTE SOS cơ sở tiếp tục được nhận kinh phí hỗ trợ cấp bù tiền ăn hằng tháng cho trẻ em theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và được cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em, thanh thiếu niên. Các Làng Cà Mau, Hải Phòng, Huế, TP. Hồ Chí Minh, Thái Bình, Bến Tre được địa phương vận dụng hỗ

trợ phụ cấp đặc thù ngành cho bà mẹ, bà dì và nhân viên chăm sóc trực tiếp cho trẻ 24/7.

Kinh phí địa phương hỗ trợ cho 17 LTE SOS năm 2025 là 61,49 tỷ đồng (tăng 25,4 tỷ đồng so với năm 2024) - Phụ lục 4.

### **c) Kinh phí và hiện vật nhận tài trợ của các LTE SOS**

Tổng số tiền mặt tài trợ trực tiếp cho các LTE SOS năm 2025 là 11,80 tỷ đồng (tăng 0,32 tỷ đồng so với năm 2024) - Phụ lục 5a.

Trị giá quà tặng hiện vật quy đổi tương đương tại các LTE SOS cơ sở năm 2025 đạt 6,04 tỷ đồng (giảm 3,67 tỷ đồng so với năm 2024) - Phụ lục 5b.

### **d) Kinh phí từ vận động và quyên góp trong nước**

Nguồn kinh phí kêu gọi, vận động đạt khoảng 77,34 tỷ đồng (chưa trừ chi phí hành chính của hoạt động FDC hơn 4 tỷ đồng) từ các tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ.

### **e) Kinh phí của các trường PTHG hỗ trợ các Làng trẻ em SOS cơ sở**

Các Trường PTHG hỗ trợ kinh phí cho Làng trẻ em SOS cơ sở tại thực hiện miễn/giảm học phí cho trẻ em SOS và thanh niên đi học chuyên nghiệp (Đại học, cao đẳng, nghề). Tổng số kinh phí hỗ trợ là: 11,08 tỷ đồng.

### **f) Tự đảm bảo kinh phí hoạt động**

- 10 trường PTHG tiếp tục duy trì tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động thu – chi hằng năm, tỉ lệ trung bình đạt 112% (Trường PTHG Hà Nội đạt 149%, Hải Phòng đạt 119%, Đà Lạt đạt 117%, Nha Trang đạt 113%);

- 14 trường mẫu giáo SOS tự đảm bảo kinh phí hoạt động thu – chi năm 2025 không bền vững, tỉ lệ trung bình đạt 101%. Các trường MG SOS Đồng Hới đạt 110%, Thái Bình đạt 109%, Gò Vấp đạt 108%, Quy Nhơn đạt 104,5%); các trường MG SOS chưa đảm bảo tự chủ bền vững như Bến Tre đạt 92%, Đà Nẵng đạt 97%, Hà Nội đạt 90%, Thanh Hóa đạt 98%.

- Trường Trung cấp Nghề Hermann Gmeiner Việt Trì tự đảm bảo hoàn toàn kinh phí hoạt động kể từ tháng 10/2024, năm 2025 đạt 126%.

## **3. Đỡ đầu Quốc tế và truyền thông vận động nguồn lực**

Văn phòng phối hợp với các LTE SOS cơ sở cung cấp dịch vụ đỡ đầu, bao gồm báo cáo cập nhật phát triển trẻ và các hoạt động thúc đẩy sự phát triển trẻ em, các hoạt động của LTE SOS đến từng người đỡ đầu cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước.

Chất lượng dịch vụ đỡ đầu được nâng cao thông qua việc báo cáo những hình ảnh, thước phim ngắn kể về cuộc sống, thay đổi tích cực của trẻ em và các hoạt động diễn ra trong LTE SOS gửi đến người đỡ đầu. Cùng với hỗ trợ về tài chính, người đỡ đầu còn gửi thư, thiệp và nhiều món quà chan chứa tình cảm như là nguồn động viên, khích lệ để trẻ em phấn đấu trong học tập và rèn luyện bản thân.

Hiện có 3.184 lượt đỡ đầu quốc tế từ 16 Hiệp hội Quốc gia thành viên của tổ chức SOS Quốc tế (giảm 724 người đỡ đầu so với năm 2024). Với 1.336 lượt đỡ đầu từ Đức (giảm 231 lượt), 569 lượt đỡ đầu từ Đan Mạch (giảm 191 lượt), 834 lượt đỡ đầu từ Thụy Điển (giảm 150 lượt)...

Công tác truyền thông và huy động nguồn lực trong nước được thực hiện từ năm 2011. Hình thức huy động chủ yếu là kêu gọi người đỡ đầu trong nước hỗ trợ cho nhà gia đình với mức tối thiểu 300.000 đồng/gia đình/tháng, đỡ đầu Làng với mức tối thiểu 500.000 đồng/Làng/tháng và đỡ đầu chung tối thiểu là 1.000.000đ/tháng.

Thường xuyên thông tin về các hoạt động các LTE SOS, các trường PTHG trên website, fanpage, qua đó lan tỏa hình ảnh của tổ chức LTE SOS với mục tiêu kêu gọi huy động đóng góp của xã hội cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em SOS nhằm hướng tới mục tiêu “Mái ấm yêu thương cho mọi trẻ em” và “Không để trẻ em phải lớn lên một mình”.

Triển khai nhiều hình thức để phát triển nhà đỡ đầu thông qua điện thoại; tư vấn trực tiếp tại các quầy thông tin và phát triển đối tác doanh nghiệp. Duy trì đều các hoạt động:

- Chiến dịch quảng cáo trên nền tảng Facebook để chia sẻ và lan tỏa thông tin về LTE SOS Việt Nam, qua đó đón nhận sự chung tay, ủng hộ của các nhà hảo tâm trong nước.

- Thực hiện các chương trình “Lì xì yêu thương”, “Gieo hạnh phúc”, “Túi vải tri ân”..., tham gia một số hội chợ, sự kiện để lan tỏa thêm thông tin về LTE SOS Việt Nam.

- Thực hiện email marketing qua đó tăng hiệu quả tiếp cận tới các nhà đỡ đầu tiềm năng, các nhà đỡ đầu đang hoạt động và các nhà đỡ đầu cũ đã dừng hoạt động thông qua nhiều chiến dịch: Newsletter hàng tháng, thiệp sinh nhật, báo cáo hè, thiệp tết...

Hiện có khoảng 16.000 nhà đỡ đầu thường xuyên trong nước. Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam vận động nguồn lực tài trợ trong nước từ các cá nhân, đơn vị, tổ chức năm 2025 đạt khoảng 77,34 tỷ đồng (tăng 2,04 tỷ đồng so với năm 2024) - Phụ lục 4.

#### **4. Về nguồn nhân lực**

Tính đến 31/12/2025, tổng số nhân sự toàn hệ thống LTE SOS Việt Nam là 1.250 người (giảm 243 người so với năm 2024), gồm: 1.084 cán bộ, nhân viên, giáo viên và 166 bà mẹ, bà dì. Việc tái cơ cấu, giảm nhân sự ở Văn phòng và các LTE SOS do giảm về quy mô nhà gia đình và số lượng trẻ em, dừng tiếp nhận trẻ mới và tái đoàn tụ trẻ về với gia đình gốc.

##### **a) Khối LTE SOS cơ sở**

- 17 LTE SOS cơ sở có 382 lao động (133 nam và 229 nữ), trong đó:

- + Bà mẹ, bà dì: 166 người, trong đó HĐLĐ không xác định thời hạn là 149 người. Trình độ học vấn chủ yếu là THCS và THPT, 14 người có trình độ cao đẳng và đại học.

+ Cán bộ, nhân viên: 216 người, trong đó HĐLĐ không xác định thời hạn là 191 người. Có 129 người có trình độ đại học trở lên.

- Hiện có 168 bà mẹ, bà dì đã nghỉ hưu, trong đó 124 người đang sinh sống tại các Làng trẻ em SOS cơ sở. Với 75 bà mẹ, bà dì có thời gian công tác trước năm 1995 (giai đoạn chưa tham gia bảo hiểm xã hội), LTE SOS Việt Nam thực hiện chính sách hỗ trợ bù lương hưu bổ sung hằng tháng từ nguồn kinh phí hỗ trợ hằng năm của LTE SOS quốc tế. Mức độ hỗ trợ này bằng phần chênh lệch giữa lương hưu của cơ quan bảo hiểm xã hội cấp và 60% bình quân lương của 12 tháng cuối cùng khi bà mẹ/bà dì nghỉ hưu.

### **b) Khối các cơ sở giáo dục**

- *Trường mẫu giáo/mầm non SOS (trực thuộc LTE SOS cơ sở)*: 14 trường mầm non có 181 cán bộ, nhân viên, giáo viên (01 nam và 180 nữ); trong đó 147 người HĐLĐ không xác định thời hạn, 25 người HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 - 36 tháng; 9 người HĐLĐ dưới 12 tháng. Trình độ trên đại học: 02 người; đại học: 93 người; cao đẳng: 44 người; trung cấp: 21 người; sơ cấp: 9 người; THPT: 07 người; THCS: 05 người. Tổng số học sinh là 1.584 – 62 lớp học.

- *Trường phổ thông Hermann Gmeiner*: 10 trường PTHG có 638 cán bộ, nhân viên, giáo viên, người lao động (155 nam và 483 nữ); gồm: 452 HĐLĐ không xác định thời hạn, 101 HĐLĐ xác định thời hạn từ 12-36 tháng, 85 HĐLĐ dưới 12 tháng. Trình độ trên đại học: 98 người; đại học: 408 người; cao đẳng: 14 người; trung cấp: 19 người; sơ cấp: 08 người; THPT: 58 người; THCS: 26 người; Tiểu học: 07 người. Tổng số học sinh là 12.194 – 299 lớp học.

- *Trường trung cấp nghề Hermann Gmeiner Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*: là trường tư thực, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trường có 23 cán bộ, nhân viên, giáo viên, người lao động (16 nam và 07 nữ); gồm: 20 HĐLĐ không xác định thời hạn, 03 HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 - 36 tháng. Trình độ đại học: 14 người; cao đẳng: 04 người; trung cấp: 01 người; Công nhân kỹ thuật: 01 người; THPT: 02 người; THCS: 01 người. Tổng số học sinh là 321 – 16 lớp học.

**c) Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam có**: 26 người (gồm 01 công chức và 25 hợp đồng lao động), trong đó: trình độ trên đại học là 6 người; đại học 13 người; cao đẳng 4 người và trung học phổ thông 3 người.

### **5. Thực hiện chương trình, dự án**

Thực hiện yêu cầu triển khai các chương trình mới theo hướng đa dạng hóa phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả của LTE SOS Quốc tế, LTE SOS Việt Nam tập trung đổi mới hình thức chăm sóc thay thế tại các LTE SOS cơ sở, như chăm sóc trẻ em theo nhóm nhỏ.

Triển khai dự án Connect SOS nhằm tăng cường kết nối giữa các cấp, các lĩnh vực trong công tác chương trình, nhân sự và tài chính, phục vụ cho quá trình xây dựng kế hoạch, lập dự toán và đánh giá hiệu quả hoạt động, sử dụng phần mềm Prodigy và nhập số liệu kế hoạch năm 2025 trong khuôn khổ dự án.

Công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em, thanh niên và tuân thủ Chính sách Bảo vệ trẻ em được thực hiện nghiêm túc, chú trọng quản lý, ứng phó và phòng ngừa xâm hại, bạo lực đối với trẻ em.

Trong năm 2025, một số chương trình, dự án tiếp tục được triển khai, cụ thể:

(i) Dự án sinh kế lồng ghép với chương trình hỗ trợ cộng đồng tiếp tục được triển khai tại tỉnh Thái Bình cũ do Quỹ Lacoste và Công ty May YSS tại Việt Nam tài trợ giai đoạn 2022-2024, với tổng kinh phí giải ngân 126 nghìn EUR. Tổng số người hưởng lợi lũy kế là 496 người. Riêng năm 2024, có 112 trẻ em và thanh niên sống cùng gia đình/người thân được hỗ trợ; trong đó 59 em được hỗ trợ bảo hiểm y tế, 109 em được tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng chống đuối nước và 22 gia đình được hỗ trợ nguồn lực phát triển sinh kế.

(ii) 58 thanh niên SOS được đào tạo và cấp chứng chỉ tin học ICDL quốc tế từ nguồn tài trợ của tổ chức AkzoNobel, góp phần nâng cao kỹ năng tin học và khả năng đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

(iii) Tập đoàn DHL Việt Nam tổ chức định hướng nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm và hướng dẫn nghề cho thanh niên SOS trong độ tuổi từ 16 đến 18 tuổi; tham gia trải nghiệm thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## 6. Công nghệ thông tin

Văn phòng tiếp tục vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và hoạt động được thông suốt trong bối cảnh cắt giảm nhân sự làm công tác công nghệ thông tin.

Tiếp tục hợp tác với các đơn vị, công ty, doanh nghiệp triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin cho sự phát triển (ICT4D) như đào tạo Tin học Quốc tế ICDL cho thanh niên SOS của các đơn vị.

## 7. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng

Năm 2025, do kinh phí hỗ trợ từ SOS Quốc tế bị cắt giảm nhiều đã ảnh hưởng đến công tác duy tu, bảo dưỡng tại các đơn vị. Kinh phí chỉ tập trung cho sửa chữa khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra cho các LTE SOS Quy Nhơn, Nha Trang, Vinh. Thực hiện cải tạo cơ sở vật chất cho Làng trẻ em SOS TP. Hồ Chí Minh với số kinh phí là 1,34 tỷ đồng.

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Mặt được

#### 1.1. Sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ

Hệ thống LTE SOS Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Y tế, sự phối hợp hỗ trợ từ các đơn vị chức năng của Bộ; cùng với sự quan tâm, phối hợp, hỗ trợ kinh phí của các cấp chính quyền địa phương.

Nhận được sự hỗ trợ về tài chính và chuyên môn từ tổ chức SOS Quốc tế, cùng sự đồng hành của các nhà hảo tâm, doanh nghiệp và các tổ chức trong và ngoài nước.

Công tác truyền thông và vận động quyên góp trong nước đã đạt được những kết quả đột phá. Tổng kinh phí huy động đạt 77,34 tỷ đồng, tương ứng với 113,74% kế hoạch mục tiêu đặt ra.

Mô hình gia đình thay thế của LTE SOS được đánh giá cao, đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ em, bảo đảm an toàn, ổn định và thân thiện cho trẻ và thanh niên SOS.

Duy trì tốt chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng theo 4 nguyên tắc của SOS, bảo đảm an toàn cho trẻ em, thanh niên.

Công tác chăm sóc trẻ tại các LTE SOS được thực hiện đồng bộ về dinh dưỡng, y tế (100% trẻ có thẻ bảo hiểm y tế), giáo dục đạo đức và kỹ năng sống.

## ***1.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo***

Các trường trong hệ thống LTE SOS Việt Nam duy trì ổn định chất lượng giảng dạy, triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình và tốt nghiệp các cấp (Tiểu học, THCS, THPT) đạt mức cao, đa số các trường đạt tỉ lệ 100%; tỉ lệ HS trúng tuyển Đại học, Cao đẳng ổn định và tăng qua các năm.

HS tham gia và đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi HS giỏi cấp tỉnh, thành phố ở các lĩnh vực: văn hóa, STEM, tiếng Anh, Robocon, thể dục thể thao.

## ***1.3. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bà mẹ/bà dì tâm huyết, trách nhiệm, gắn bó với đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nhiều người được công nhận giáo viên dạy giỏi các cấp, có kinh nghiệm và năng lực đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy.

Nội bộ các đơn vị duy trì tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tận tâm, tạo môi trường làm việc ổn định và nhân văn.

## ***1.4. Ý thức, sự tiến bộ của trẻ em và thanh niên SOS***

Trẻ em và thanh niên SOS có ý thức phấn đấu, rèn luyện, chấp hành tốt nội quy, quy định của LTE SOS và nhà trường.

Phần lớn trẻ em, thanh thiếu niên SOS ngoan, tự giác trong học tập, có khả năng hòa nhập tốt với cộng đồng và xã hội.

Chất lượng học tập và rèn luyện chung của HS đạt yêu cầu và có xu hướng tiến bộ.

## ***1.5. Công tác tài chính***

Công tác quản lý tài chính tại các đơn vị được thực hiện nghiêm, phần lớn các đơn vị đảm bảo thu – chi theo dự toán.

Các trường học trong hệ thống LTE SOS Việt Nam đã tự đảm bảo được kinh phí hoạt động, nhiều đơn vị đạt hoặc vượt mức 100%.

Y  
N PI  
G TI  
VIỆ  
\*

## **2. Khó khăn, tồn tại**

### ***2.1. Khó khăn về mô hình tổ chức và cơ sở pháp lý***

Đến nay, loại hình tổ chức của hệ thống LTE SOS Việt Nam chưa được xác định và thống nhất rõ ràng, bao gồm tư cách pháp lý của Văn phòng SOS Việt Nam, các LTE SOS cơ sở và hệ thống các trường học (công lập hay ngoài công lập).

Việc chưa xác định được rõ ràng về mô hình tổ chức dẫn đến vướng mắc trong quản lý nhà nước, tiếp nhận viện trợ, triển khai dự án và tổ chức hoạt động; cũng như không đáp ứng được yêu cầu của LTE SOS Quốc tế phải được vận hành như tổ chức phi chính phủ (không được quản lý bởi cơ quan nhà nước) để có thể tiếp tục nhận được nguồn kinh phí hỗ trợ từ các Hiệp hội PSAs – thành viên của tổ chức LTE SOS quốc tế.

### ***2.2. Khó khăn về cơ chế tài chính và tiếp nhận viện trợ***

Việc chưa hoàn tất thủ tục xác nhận, hạch toán và quyết toán nguồn viện trợ không hoàn lại của LTE SOS Quốc tế từ tháng 10 năm 2019 đến nay gây khó khăn trong quản lý tài chính. Bộ Tài chính đã dừng việc xác nhận viện trợ ghi thu – ghi chi ngân sách nhà nước khoản kinh phí viện trợ không hoàn lại của LTE SOS Quốc tế cho SOS Việt Nam từ năm 2022-2024.

Chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định nguồn viện trợ của SOS Quốc tế có thuộc ngân sách nhà nước hay không, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng các quy định về tài chính, kế toán.

Nhiều dự án và nguồn hỗ trợ không được phê duyệt hoặc chậm triển khai; chưa được tiếp nhận tài sản viện trợ (01 xe ô tô miễn thuế); chưa được hoàn thuế GTGT cho các khoản chi từ nguồn viện trợ.

### ***2.3. Thách thức do cắt giảm nguồn tài trợ quốc tế***

Việc cắt giảm mạnh nguồn tài trợ của SOS Quốc tế giai đoạn 2023–2026 dẫn đến phải cắt giảm các hoạt động tại các Làng SOS cơ sở, các đơn vị phải thu hẹp quy mô chăm sóc, đóng nhà gia đình, giảm tiếp nhận trẻ mới, cắt giảm nhân sự và nhiều hoạt động hỗ trợ cho trẻ em, thanh niên SOS.

Việc cắt giảm về kinh phí ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thường xuyên, công tác bảo trì cơ sở vật chất và chế độ, chính sách hỗ trợ cho người lao động.

### ***2.4. Khó khăn về cơ sở vật chất và điều kiện hoạt động***

Sau 20–30 năm hoạt động, cơ sở vật chất của nhiều LTE SOS và trường học đã xuống cấp nghiêm trọng, cần nguồn kinh phí lớn để cải tạo, sửa chữa.

Thiếu phòng chức năng và trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới; nhiều hạng mục kỹ thuật, an toàn không còn phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

### ***2.5. Khó khăn trong công tác tuyển sinh và phát triển trường học***

Các trường mẫu giáo SOS gặp khó khăn trong tuyển sinh do cạnh tranh gay gắt với trường công lập và các cơ sở giáo dục tư thục mới.

Các trường phổ thông gặp khó khăn trong tuyển sinh đầu cấp (lớp 1 và 6), không đạt chỉ tiêu đề ra, ảnh hưởng đến quy mô và nguồn thu của nhà trường.

IG  
EN  
AM

## **2.6. Thách thức về nhân sự và thu nhập**

Thu nhập của giáo viên và nhân viên còn thấp so với mặt bằng chung và khu vực công lập, khó thu hút và giữ chân nhân sự có chất lượng.

Thiếu hụt một số vị trí chuyên môn, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục và vận hành đơn vị.

## **2.7. Khó khăn trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em**

Một số trẻ em tiếp nhận vào LTE SOS có vấn đề về sức khỏe tâm thần, trong khi chưa có cơ chế hoặc điều kiện để chuyển sang cơ sở trợ giúp xã hội chuyên biệt.

Công tác quản lý, giáo dục thanh thiếu niên SOS gặp nhiều thách thức do biến động tâm lý, hành vi và ý thức kỷ luật học tập.

Cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm bền vững cho thanh niên SOS sau khi rời LTE SOS còn hạn chế.

## **2.8. Thách thức trong quá trình chuyển đổi và chuyển giao**

Chủ trương chuyển giao các LTE SOS về địa phương quản lý kéo dài, sự thiếu rõ ràng về lộ trình và cơ chế chuyển giao gây tâm lý lo lắng, bất ổn cho đội ngũ cán bộ, các bà mẹ SOS và trẻ em, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và giáo dục.

## **3. Đề xuất và kiến nghị**

### **3.1. Đề xuất và kiến nghị với Bộ Y tế**

#### **a) Kiến nghị của hệ thống LTE SOS Việt Nam**

**Về tổ chức bộ máy:** Bộ sớm xem xét và trình Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp hệ thống LTE SOS Việt Nam (ký bản Ghi nhớ với tổ chức LTE SOSQT thống nhất về nguyên tắc thực hiện bàn giao các đơn vị về địa phương quản lý toàn diện).

**b) Kiến nghị của các đơn vị cơ sở thuộc chủ trương bàn giao về địa phương quản lý**

**Về bàn giao/tiếp nhận các đơn vị cơ sở:** Đề nghị Bộ hướng dẫn cụ thể các địa phương tiếp nhận toàn diện người lao động, trẻ em/thanh niên SOS, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có.

c) Kiến nghị Bộ trao đổi, thống nhất với LTE SOS quốc tế tiếp tục sắp xếp lại 9 LTE SOS và Văn phòng SOS Việt Nam (hoàn thành trước ngày 30/6/2026), đề nghị Bộ xem xét quy định về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

Đề nghị Bộ xem xét, có văn bản đề nghị UBND các tỉnh/thành phố quan tâm, hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các LTE SOS cơ sở trong năm 2026.

### **3.2. Đề xuất và kiến nghị với UBND các tỉnh/thành phố**

**Hỗ trợ kinh phí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em tại các LTE SOS cơ sở,** hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế và cấp bù tiền ăn cho trẻ em, thanh thiếu niên SOS theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP, Nghị định 76/2024/NĐ-CP.

## Phần 2

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026 VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### **I. Mục tiêu và định hướng hoạt động trong năm 2026 đối với các đơn vị cơ sở chưa thuộc chủ trương bàn giao/tiếp nhận về địa phương quản lý**

Thứ nhất, LTE SOS bảo đảm có nhiều trẻ em được sống trong “Mái ấm yêu thương”, có cơ hội phát triển bình đẳng và đạt được thành công trong cuộc sống.

Thứ hai, LTE SOS đi đầu trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em một cách hiệu quả, hiện thực hóa cam kết: “Không trẻ em nào phải lớn lên một mình”.

#### **1. Các định hướng trọng tâm của tổ chức LTE SOS**

Để đạt được 2 mục tiêu tổng quát nêu trên, tổ chức LTE SOS triển khai các chiến lược trọng tâm sau:

##### **2.1. Đổi mới chăm sóc thay thế**

Nâng cao chất lượng chăm sóc thay thế tại tất cả các chương trình LTE SOS, bảo đảm môi trường sống an toàn, ổn định và phù hợp với nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ em.

##### **2.2. Tăng cường hỗ trợ gia đình**

Tập trung phòng ngừa nguy cơ ly tán gia đình thông qua hỗ trợ ngắn hạn và dài hạn; hỗ trợ các gia đình bị ảnh hưởng bởi tình huống khẩn cấp; chăm sóc và bảo vệ trẻ em không nơi nương tựa.

##### **2.3. Tăng cường hỗ trợ và đào tạo cho thanh niên SOS**

Nâng cao chất lượng chăm sóc, tư vấn và định hướng nghề nghiệp; hỗ trợ thanh niên SOS nâng cao năng lực, khả năng tìm kiếm việc làm và tự lập bền vững.

##### **2.4. Vận động, truyền thông các hoạt động vì trẻ em**

Tạo điều kiện để trẻ em thuộc nhóm mục tiêu được lắng nghe tiếng nói, tham gia vào các hoạt động liên quan đến quyền và lợi ích của mình; tăng cường hiệu quả công tác vận động, tuyên truyền chính sách về trẻ em.

##### **2.5. Tạo lập phong trào xã hội vì trẻ em**

Khẳng định vai trò tiên phong của LTE SOS trong bảo vệ và chăm sóc trẻ em; huy động sự tham gia của cộng đồng, xã hội và các nguồn lực nhằm bảo đảm chăm sóc trẻ em có chất lượng.

##### **2.6. Tinh giản và nâng cao hiệu quả hoạt động**

Xây dựng hệ thống LTE SOS tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh tích hợp công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý và triển khai các chương trình.

##### **2.7. Đầu tư để tăng trưởng và bền vững tài chính**

Tăng cường truyền thông; đa dạng hóa các kênh vận động, gây quỹ trong nước; đồng thời thúc đẩy sự tham gia, hỗ trợ của ngân sách nhà nước dành cho trẻ em và thanh niên.

## II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2026

### 1. Thực hiện chủ trương, sắp xếp tổ chức bộ máy

Tiến hành bàn giao/tiếp nhận các đơn vị cơ sở thuộc chủ trương chuyển về địa phương quản lý toàn diện, sau khi có ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế về tổ chức và sắp xếp lại hệ thống LTE SOS Việt Nam:

- Thảo luận với các địa phương thống nhất Biên bản bàn giao/tiếp nhận các đơn vị cơ sở, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế. Đảm bảo bàn giao toàn diện, không để thất thoát về tài chính, tài sản.

- Tham mưu, trình Bộ Y tế chấm dứt Hiệp định năm 1987 và các Biên bản thỏa thuận đã ký.

- Đề xuất về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng LTE SOS Việt Nam khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức, bộ máy.

### 2. Giải pháp thực hiện đối với các đơn vị cơ sở khi chưa bàn giao/tiếp nhận về địa phương quản lý

#### 2.1. Quản lý, điều phối chương trình và bảo đảm chất lượng

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm chất lượng chăm sóc, an toàn, bảo vệ trẻ em, bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất tại các đơn vị cơ sở.

- Tiếp tục duy trì và phát triển mô hình gia đình thay thế tại các cơ sở LTE SOS; củng cố nề nếp, kỷ cương trong giáo dục và sinh hoạt.

- Chỉ đạo các LTE SOS tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng thanh niên SOS sau THCS và THPT.

- Hỗ trợ thanh niên SOS học nghề, khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm ổn định, từng bước tự lập và hòa nhập bền vững với xã hội.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chính sách bảo vệ trẻ em; áp dụng kỷ luật tích cực; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em và thanh niên SOS.

- Tổ chức phổ biến, tập huấn nâng cao nhận thức cho người lao động về: Quy tắc ứng xử; Chính sách bảo vệ trẻ em; Sức khỏe tâm thần đối với trẻ em và thanh niên SOS; Kỷ luật tích cực; Trang bị kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em, thanh niên SOS.

- Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ và can thiệp tâm lý cho trẻ em, thanh niên và người chăm sóc khi cần thiết.

#### 2.2. Đẩy mạnh chuyển đổi số và quản trị hiện đại

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý và điều hành.

- Tiếp tục triển khai phần mềm D365 trong quản lý Nhân sự – Tài chính – Chương trình/dự án, với sự hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia SOS Quốc tế.

- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin và an toàn số, bao gồm: giám sát hệ thống mạng, sao lưu dữ liệu, quản lý thiết bị, giám sát ứng dụng và bảo mật máy tính.

Y  
N P  
IG T  
S VII

### ***2.3. Công tác kế hoạch và quản lý tài chính***

- Tiếp tục tiếp nhận kinh phí hỗ trợ; điều phối hoạt động; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai các chương trình, dự án tại các đơn vị cơ sở chưa bàn giao.

- Các đơn vị cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động, chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể, tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động theo dự toán kinh phí năm 2026.

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý tài chính, tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao.

- Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách bảo vệ trẻ em, phòng chống gian lận, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### ***2.4. Công tác truyền thông, vận động nguồn lực***

- Đẩy mạnh truyền thông và vận động tài trợ trong nước từ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; tăng cường tư vấn, chăm sóc người đỡ đầu.


- Phát triển truyền thông, nâng cao nhận diện Tên hiệu LTE SOS Việt Nam nhằm thu hút người đỡ đầu và mở rộng mạng lưới đối tác.

- Phối hợp với các đối tác, doanh nghiệp xây dựng và đề xuất các chương trình, dự án hợp tác, hỗ trợ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em, thanh niên SOS và hỗ trợ gia đình tại cộng đồng.

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Văn phòng LTE SOS Việt Nam./.

**VĂN PHÒNG LÀNG TRẺ EM  
SOS VIỆT NAM**

**Phụ lục 1**  
**Số trẻ bình quân tại các nhà gia đình SOS**



Stt	LTE SOS	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Bến Tre	7,4	6,8	6,7	7,9	6,5	6,8	7,6
2	Cà Mau	7,4	7,7	6,5	5,4	5,2	7,4	7,8
3	Đà Nẵng	6,8	6,9	6,6	6,1	5,6	7,4	6,1
4	Đà Lạt	6,7	6,9	6,1	6,9	6,1	8,6	6,7
5	Điện Biên Phủ	10,2	9,4	9,0	9,3	5,7	7,3	6,5
6	Đồng Hới	6,1	6,2	5,8	7,0	7,4	7,3	6,5
7	Hải Phòng	7,6	6,9	7,2	7,6	7,1	7,6	7,7
8	Hà Nội	6,9	7,4	7,0	6,8	6,5	6,4	6,0
9	Gò Vấp	6,4	6,2	5,3	5,6	5,5	7,5	7,0
10	Nha Trang	7,6	7,4	6,8	6,4	6,3	7,3	9,2
11	Quy Nhơn	7,0	7,2	7,1	7,4	7,3	7,9	7,8
12	Thanh Hoá	8,1	8,3	8,3	7,4	6,6	7,4	6,5
13	Việt Trì	6,4	7,7	7,5	7,4	6,4	6,9	7,4
14	Vinh	8,4	8,4	7,3	7,5	7,5	7,4	10,5
15	Pleiku	7,3	8,0	8,7	8,3	7,2	10,2	7,8
16	Thái Bình	6,9	6,4	6,2	6,2	6,2	6,6	5,4
17	Huế	6,8	6,8	8,4	9,4	8,0	8,5	6,8
	<b>Bình quân</b>	<b>7,3</b>	<b>7,3</b>	<b>7,0</b>	<b>7,2</b>	<b>6,5</b>	<b>7,5</b>	<b>7,3</b>

## Phụ lục 2a

**Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của trẻ em SOS**  
(Số liệu tổng kết năm học 2024-2025)



Cấp học	Học lực (tỉ lệ %)				Hạnh kiểm (tỉ lệ %)			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
THCS	15,4	37	41,8	5,8	71,4	28,6		
THPT	29,3	45,2	22,3	3,2	82,2	17,8		
Tiêu học	Xếp loại “Đạt” trở lên các mặt năng lực, phẩm chất chiếm xấp xỉ 95%							

## Phụ lục 2b

**Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS PT Hermann Gmeiner**  
(Số liệu tổng kết năm học 2024-2025)

Cấp học	Học lực (tỉ lệ %)				Hạnh kiểm (tỉ lệ %)			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
THCS	63,43	25,06	10,74	0,77	92,33	5,12	2,3	0,25
THPT	59,11	32,24	8,65	0	92,29	6,07	1,17	0,47
Tiêu học	Xếp loại “Đạt” trở lên các mặt năng lực, phẩm chất chiếm xấp xỉ 95,2%							

## Phụ lục 3

## Kinh phí viện trợ không hoàn lại của LTE SOS Quốc tế



Stt	Năm	KINH PHÍ VIỆN TRỢ (USD)
1	2022	9.216.749,65 tương đương 211.862.486.186 đồng
2	2023	4.675.035,21 tương đương 109.181.924.053 đồng
3	2024	3.108.769,12 tương đương 78.452.897.512 đồng
4	2025	2.277.888 tương đương 59.849.229.105 đồng

## Phụ lục 4

## Kinh phí hỗ trợ của các tỉnh/TP từ 2022 đến 2025 cho các LTE SOS

ĐVT: Đồng

Stt	Tên dự án	2022	2023	2024	2025
<b>A</b>	<b>LTE SOS</b>	<b>36.748.878.301</b>	<b>34.655.533.435</b>	<b>35.949.390.927</b>	<b>61.337.337.741</b>
1	Bến Tre	1.688.836.000	2.127.189.200	1.089.736.083	1.212.457.944
2	Cà Mau	1.895.350.320	1.906.909.000	1.967.361.425	2.293.100.000
3	Đà Lạt	2.105.396.714	594.965.000	793.230.000	1.100.500.000
4	Đà Nẵng	672.625.000	1.253.306.410	515.090.000	1.652.517.379
5	Điện Biên Phủ	1.408.857.204	1.420.160.000	1.673.865.000	3.379.010.500
6	Đồng Hới	1.284.635.610	1.302.811.500	1.171.803.000	3.153.835.840
7	Gò Vấp	6.792.133.662	6.203.491.750	6.912.033.031	7.138.414.559
8	Hà Nội	2.813.339.602	2.607.547.425	2.988.000.000	2.320.000.000
9	Hải Phòng	4.537.000.000	4.124.000.000	5.062.400.000	5.437.000.000
10	Huế	21.900.000	1.103.400.000	1.246.600.000	1.323.690.000
11	Nha Trang	1.236.519.016	1.282.450.000	1.450.943.870	2.434.005.000
12	Pleiku	1.545.720.000	1.403.500.000	2.894.200.000	5.082.808.618
13	Quy Nhơn	557.986.400	1.607.976.950	1.554.770.000	2.753.153.200
14	Thái Bình	3.102.971.000	1.503.993.500	3.294.499.518	7.847.790.000
15	Thanh Hóa	2.589.494.250	2.902.400.000	1.527.559.000	4.284.791.817
16	Việt Trì	1.469.683.523	2.137.150.000	1.087.300.000	6.547.713.000
17	Vinh	3.026.430.000	1.174.282.700	720.000.000	3.376.549.884
<b>B</b>	<b>Trường HG</b>	<b>346.060.000</b>		<b>137.660.000</b>	<b>149.910.000</b>
1	Đà Lạt	2.240.000			
2	Đà Nẵng	252.200.000			29.310.000
3	Nha Trang	45.740.000		65.850.000	97.500.000
4	Thanh Hóa	5.000.000			
5	Việt Trì	40.880.000		71.810.000	23.100.000
<b>C</b>	<b>TC Nghề</b>				
1	Việt Trì				
<b>CỘNG (A+B+C)</b>		<b>37.094.938.301</b>	<b>34.655.533.435</b>	<b>36.087.050.927</b>	<b>61.487.247.741</b>

## Phụ lục 5a

Số tiền mặt tổ chức/cá nhân trong nước tài trợ trực tiếp  
cho các LTE SOS từ 2022 đến 2025

ĐVT: Đồng

Stt	Tên dự án	2022	2023	2024	2025
<b>A</b>	<b>LTE SOS</b>	<b>4.879.367.528</b>	<b>5.427.779.142</b>	<b>11.479.663.326</b>	<b>11.800.914.064</b>
1	Bến Tre	246.341.800	488.928.000	437.716.000	482.900.000
2	Cà Mau	24.000.000	34.912.000	159.500.000	125.000.000

3	Đà Lạt	300.674.500	147.970.700	214.110.000	714.803.999
4	Đà Nẵng	61.129.000	80.365.800	419.990.400	306.116.000
5	Điện Biên Phủ	102.000.000	23.000.000	216.000.000	154.500.000
6	Đồng Hới	33.000.000	210.113.800	213.100.000	855.482.000
7	Gò Vấp	1.643.108.980	1.236.938.500	2.345.736.639	2.263.496.100
8	Hà Nội	460.100.000	408.411.323	901.594.000	1.077.218.960
9	Hải Phòng	12.039.173	159.527.765	2.441.890.985	888.159.685
10	Huế	57.300.000	363.906.000	267.571.000	338.671.000
11	Nha Trang	227.449.500	429.418.000	901.674.482	1.139.400.000
12	Pleiku	268.549.000	152.700.000	204.086.000	72.500.000
13	Quy Nhơn	536.515.575	458.537.000	517.117.500	1.137.899.000
14	Thái Bình	358.480.000	381.115.000	1.044.570.320	1.007.107.320
15	Thanh Hóa	276.900.000	344.799.254	440.700.000	408.350.000
16	Việt Trì	16.000.000	80.136.000	191.991.000	247.310.000
17	Vinh	255.780.000	427.000.000	562.315.000	582.000.000
<b>B</b>	<b>TRƯỜNG HG</b>	<b>769.828.500</b>	<b>193.125.200</b>	<b>399.185.010</b>	
1	Bến Tre		6.000.000		
2	Cà Mau				
3	Đà Lạt		180.765.200	221.905.010	
4	Đà Nẵng	302.400.000	6.360.000		
5	Gò Vấp			57.780.000	
6	Hà Nội			63.500.000	
7	Hải Phòng			50.000.000	
8	Nha Trang	145.915.000		6.000.000	
9	Thanh Hóa				
10	Vinh	321.513.500			
11	Việt Trì				
12	Trung cấp nghề				
<b>C</b>	<b>VP SOS VN</b>	<b>79.742.574.703</b>	<b>69.774.726.484</b>	<b>75.396.237.518</b>	<b>77.343.388.760</b>
	<b>A+B+C</b>	<b>85.391.770.731</b>	<b>75.395.630.826</b>	<b>87.275.085.854</b>	<b>89.144.302.824</b>

PHÒNG  
TRẺ EM  
VIỆT NAM

★

**Phụ lục 5b**  
**Giá trị hiện vật cho các LTE SOS quy đổi năm 2025**  
**ĐVT: Đồng**



Stt	LTE SOS	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm
1	Bến Tre	255.440.000	141.000.000	-114.440.000
2	Cà Mau	295.247.400	66.113.000	-229.134.400
3	Đà Lạt	1.033.152.625	348.391.100	-684.761.525
4	Đà Nẵng	1.046.483.990	995.116.000	-51.367.990
5	Điện Biên Phủ	318.253.000	200.603.900	-117.649.100
6	Đồng Hới	275.467.722	70.000.000	-205.467.722
7	Gò Vấp	1.823.502.500	1.384.150	-1.822.118.350
8	Hà Nội	841.805.100	276.732.000	-565.073.100
9	Hải Phòng	652.612.900	518.780.000	-133.832.900
10	Huế	379.275.140	233.500.000	-145.775.140
11	Nha Trang	687.609.100	897.850.000	210.240.900
12	Pleiku	198.376.000	202.008.156	3.632.156
13	Quy Nhơn	414.368.425	342.533.384	-71.835.041
14	Thái Bình	264.202.000	146.895.000	-117.307.000
15	Thanh Hoá	637.854.500	256.243.500	-381.611.000
16	Việt Trì	231.787.880	409.049.299	177.261.419
17	Vinh	364.385.000	935.948.903	571.563.903
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.719.823.282</b>	<b>6.042.148.392</b>	<b>-3.677.674.890</b>